

DANH MỤC

HỒ SƠ TIẾP NHẬN THEO TỪNG LĨNH VỰC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC QUẢN LÝ CỦA PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

1. Lĩnh vực đấu thầu, lựa chọn nhà thầu: 02 thủ tục hành chính:

1.1. Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận – huyện;

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Đơn kiến nghị của nhà thầu tham dự thầu, có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà thầu được đóng dấu (nếu có).	x	
2	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.		
3	Cơ sở pháp lý		
	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014); Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;		

1.2 Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận – huyện.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Đơn kiến nghị của nhà thầu tham dự thầu, có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà thầu được đóng dấu (nếu có).	x	
2	Thời gian xử lý: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.		
3	Cơ sở pháp lý		
	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014); Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;		

2. Lĩnh vực đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư: 02 thủ tục hành chính:

2.1. Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Đơn kiến nghị của nhà đầu tư tham dự thầu, có chữ ký của người ký đơn nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư được đóng dấu (nếu có).	x	
2	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.		
3	Cơ sở pháp lý		
	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014); Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2020).		

2.2 Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Đơn kiến nghị của nhà đầu tư tham dự thầu, có chữ ký của người ký đơn nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư được đóng dấu (nếu có).	x	
2	Thời gian xử lý: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.		
3	Cơ sở pháp lý		
	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014); Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2020).thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2020);		

3.3. Lĩnh vực Công sản: 03 thủ tục hành chính:

3.1 Thủ tục thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Văn bản đề nghị thanh lý tài sản công của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ trách nhiệm tổ chức thanh lý tài sản; dự toán chi phí sửa chữa tài sản trong trường hợp xác định việc sửa chữa không hiệu quả)	x	
2	Văn bản đề nghị thanh lý tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có)	x	
3	Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thanh lý)	x	
4	Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có liên quan về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa (đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được)		x
5	Thời gian xử lý: 22 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
6	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;- Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;- Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;- Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ		

chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2 Thủ tục bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ hình thức bán, trách nhiệm tổ chức bán tài sản, việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản)	x	
2	Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có)	x	
3	Danh mục tài sản đề nghị bán (chủng loại, số lượng, tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại; lý do bán)	x	
4	Ý kiến của cơ quan chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất (trong trường hợp bán trụ sở làm việc)		x
5	Các hồ sơ liên quan đến đề nghị bán tài sản (nếu có)		x
6	Thời gian xử lý: 22 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
7	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; 		

	<p>- Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</p>
--	--

3.3. Thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Văn bản đề nghị chuyển tài sản của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản	x	
2	Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị	x	
3	Văn bản đề nghị điều chuyển, tiếp nhận tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có)	x	
4	Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản; lý do điều chuyển)	x	
5	Các hồ sơ liên quan đến đề nghị điều chuyển tài sản (nếu có)		x
6	Thời gian xử lý: 22 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
7	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;</p> <p>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;</p> <p>- Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017</p>		

<p>của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;</p> <p>- Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;</p> <p>- Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</p>

4. Lĩnh vực kinh tế tập thể: 16 thủ tục hành chính.

4.1. Đăng ký hợp tác xã.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã (theo mẫu)	X	
2	Điều lệ hợp tác xã (theo mẫu)	X	
3	Phương án sản xuất kinh doanh (theo mẫu)	X	
4	Danh sách thành viên hợp tác xã (theo mẫu)	X	
5	Danh sách Hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), Ban Kiểm soát hoặc kiểm soát viên hợp tác xã. (theo mẫu)	X	
6	Nghị quyết của hội nghị thành lập.	X	
7	Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục: + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực). + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực). Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau: + Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.		X X X X
8	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		
9	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của</p>		

	<p>Luật hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;</p> <p>- Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
--	---

4.2. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Thông báo về đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (theo mẫu)	X	
2	Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.	X	
3	Nghị quyết của đại hội thành viên về mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.	X	
4	Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.	X	
5	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <p>+ Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc</p> <p>Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.</p>	X	<p>X</p> <p>X</p> <p>X</p>

6	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ
7	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; <p>dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4.3. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã (theo mẫu).	X	
2	Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã.	X	
3	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực). + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực). <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. 	X	X
4	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		

5	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố; - Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4.4 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu;	x	
2	Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã;	x	
3	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực). + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực). <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. 	x	<p style="text-align: right;">x</p> <p style="text-align: right;">x</p> <p style="text-align: right;">x</p>
4	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		

<ul style="list-style-type: none"> - Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố; - Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4.6. Đăng ký khi hợp tác xã tách

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;	X	
2	Điều lệ;	X	
3	Phương án sản xuất kinh doanh;	X	
4	Danh sách hợp tác xã thành viên;	X	
5	Danh sách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát;	X	
6	Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia hợp tác xã	X	
7	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <p>+ Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc</p> <p>Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.</p>	X	X
8	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		
9	Cơ sở pháp lý		

<p>- Luật hợp tác xã năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;</p> <p>- Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
--

4.7. Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;	X	
2	Điều lệ;	X	
3	Phương án sản xuất kinh doanh;	X	
4	Danh sách hợp tác xã thành viên;	X	
5	Danh sách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát;	X	
6	Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia hợp tác xã	X	
7	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <p>+ Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho</p>		<p>X</p> <p>X</p> <p>X</p>

	cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.	x	
8	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		
9	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố; - Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>		

4.8. Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã;	x	
2	Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập hợp tác xã.	x	
3	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <p>+ Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.</p>	x	x
4	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		
5	Cơ sở pháp lý		

<ul style="list-style-type: none"> - Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; <p>dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.
--

4.9. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng).

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (theo mẫu);	X	
2	Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục: + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực). + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực). Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau: + Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.	X	X X X
3	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		
4	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; 		

<p>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;</p> <p>- Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
--

4.10. Giải thể tự nguyện hợp tác xã.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Thông báo về việc giải thể hợp tác xã (theo mẫu)	x	
2	Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể hợp tác xã	x	
3	Biên bản hoàn thành việc giải thể hợp tác xã	x	
4	Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của hợp tác xã;	x	
5	Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã;	x	
6	Giấy xác nhận của cơ quan đăng ký hợp tác xã về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;	x	
7	Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã	x	
8	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <p>+ Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc</p> <p>Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.</p>	x	<p>x</p> <p>x</p> <p>x</p>
9	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		
10	Cơ sở pháp lý		
	- Luật hợp tác xã năm 2012;		

<p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;</p> <p>- Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>

4.14 Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X	
2	Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X	
3	Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, địa điểm kinh doanh;	X	
4	Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	X	
5	Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục: + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực). + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực). Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau: + Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.	X	X X X
6	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		

7	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố; - Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>		

4.15. Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (theo mẫu);	x	
2	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hợp tác xã;	x	
3	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <p>+ Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.</p>	x	x x x
4	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		
5	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu</p>		

<p>tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;</p> <p>- Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
--

4.16. Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã (theo mẫu)	X	
2	Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;	X	
3	<p>Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đến làm thủ tục:</p> <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (có chứng thực).</p> <p>Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã các loại giấy tờ sau:</p> <p>+ Hợp đồng hợp lệ cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc</p> <p>+ Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.</p>	X	X
4	Thời gian xử lý: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		
5	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật hợp tác xã năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;</p> <p>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác</p>		

xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;
- Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.